

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG MỞ RỘNG DIỆN TÍCH CANH TÁC THANH LONG RUỘT ĐỎ TẠI HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Văn Vũ An
Trường Đại học Trà Vinh

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ 245 nông hộ sản xuất thanh long ruột đỏ trên địa bàn huyện Càng Long. Ứng dụng mô hình hồi quy Binary Logistic, nhóm nghiên cứu xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ là tăng vốn vay, trình độ học vấn của chủ hộ, chi phí sau thu hoạch, chi phí thuê và vị trí xã hội của hộ. Trong đó, yếu tố trình độ học vấn của chủ hộ có tác động mạnh nhất đến khả năng mở rộng diện tích canh tác của nông hộ.

Từ khóa: thanh long, diện tích, canh tác, lợi thế kinh tế, thu nhập nông hộ

*

1. Đặt vấn đề

Huyện Càng Long (tỉnh Trà Vinh) mấy năm qua diện tích trồng thanh long ruột đỏ không ngừng gia tăng. Với mỗi 1 hecta thu hoạch mang lại lợi nhuận từ 15 - 20 triệu đồng. Hiện quy mô kinh tế của thanh long ruột đỏ rất lớn. Nhờ trồng thanh long nhiều hộ gia đình đã vươn lên làm giàu. Nhiều hộ gia đình đã chuyển sang trồng thanh long vì trồng thanh long không cần nhiều vốn, dễ trồng, ít sâu bệnh, ít phân bón hoá học. Thời gian qua, nghề trồng thanh long cũng gây quỹ được vốn để lao động nông thôn, được xã quan tâm của chính quyền địa phương (Nguyễn Văn Núi, 2013).

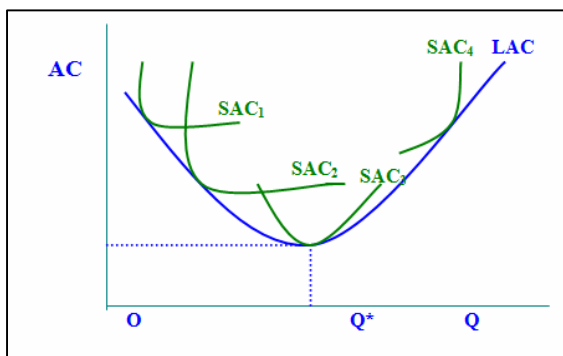
Tuy nhiên, trồng thanh long cũng gặp không ít những khó khăn như là ít được tiếp nhận kỹ thuật trồng thanh long nên kỹ thuật không cao, giá cả không ổn định, không có vốn sản xuất... (Trần Văn B, 2013).

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng mở rộng diện tích canh tác của mô hình trồng thanh long ruột đỏ tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1 Cơ sở lý thuyết

Theo Romer, David (2000) và Varian, Hal R. (1999), lợi thế kinh tế theo quy mô thị trường không sản phẩm mà đó, càng tăng sản phẩm thì chi phí bình quân dài hạn (LAC) càng giảm. Trong miền sản phẩm này, sản xuất với quy mô lớn hơn thì ra có ưu thế hơn so với quy mô nhỏ. Khi đó, tăng quy mô sản phẩm là một giải pháp để nhà sản xuất có thể giảm chi phí bình quân dài hạn. Với một đồ thị, ứng với miền lợi thế theo quy mô, đường LAC có xu hướng đi xuống theo chi phí tăng của sản phẩm.



Hình 1. Đường chi phí bình quân dài hạn

Tại sao lại thế kinh tế theo quy mô lại xuất hiện? Thông thường, khi sản lượng còn nhỏ, việc tăng quy mô đầu ra có thể làm giảm chi phí bình quân dài hạn vì những lý do sau:

Thứ nhất, để sản xuất nhà sản xuất luôn luôn phải bắt đầu bằng việc sử dụng một số lượng tài thiêu các yếu tố đầu vào không thể phân chia được nào đó. Một dây chuyền sản xuất đang bắt đầu có thể khai thác được khi nó được sử dụng một cách nguyên vẹn. Nếu sản lượng cần tạo ra là quá thấp, những yếu tố sản xuất trên sẽ không được sử dụng hết công suất hay năng lực. Trong trường hợp này, tăng sản lượng không làm tăng chi phí lên một cách đáng kể. Sản lượng cao hơn cho phép nhà sản xuất khai thác hiệu quả hơn các năng lực hay công suất đã thừa của các đầu vào. Trong phạm vi này, sản xuất với quy mô lớn hơn sẽ là một lợi thế: chi phí bình quân sẽ giảm xuống.

Thứ hai, quy mô sản lượng lớn hơn cho phép nhà sản xuất khai thác được lợi thế của việc chuyên môn hóa. Lao động, máy móc phải với số lượng để lớn mới cho phép người ta tổ chức sử dụng chúng theo kiểu chuyên biệt. Chúng có thể được phân bổ và được sử dụng riêng cho những khâu, những công đoạn sản xuất khác nhau mà nhờ đó, năng suất của chúng có thể tăng lên. Khi sản lượng còn quá nhỏ, điều đó không xảy ra vì số lượng đầu vào được sử dụng quá thấp.

Thứ ba, trong nhiều trường hợp, việc chi tiêu một chiếc máy có công suất gấp đôi lại rẻ hơn việc chi tiêu hai chiếc máy có công suất nhỏ bằng một nửa chiếc máy trên. Điều đó có nghĩa là chi phí để mua một chiếc máy lớn thường nhỏ hơn mua hai cái máy nhỏ có cùng công suất là tương đương. Sản lượng phải để lớn mới tạo ra lợi thế để nhà sản xuất khai thác được lợi thế của chiếc máy lớn.

Thứ tư, quy mô sản lượng lớn cho phép nhà sản xuất tiết kiệm được nhiều chi phí giao dịch. Khi bán một khối lượng hàng lớn hơn, chi phí đàm phán, liên lạc (qua điện thoại, fax,...) không tăng đáng kể so với trường hợp bán một khối lượng hàng nhỏ hơn,...

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Số liệu được sử dụng trong bài viết này được thu thập từ một cuộc điều tra bằng bảng hỏi theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng theo hộ gia đình có mặt ruộng tích và không mặt ruộng tích trong thanh long ruột đỏ. Cuộc điều tra được tiến hành vào tháng 4/2014, đối tượng tham gia là 245 nông hộ có ruộng thanh long ruột đỏ. Địa bàn được chọn để nghiên cứu là huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả để mô tả các biến trong thanh long ruột đỏ trên địa bàn huyện Càng Long. Thống kê mô tả là việc mô tả dữ liệu bằng các phép tính và chế độ thống kê thông thường như số trung bình nhớt, lớn nhớt, độ lệch chuẩn, biến thiên số.

Công cụ chủ yếu được sử dụng trong bài viết là sử dụng phân tích hồi quy Binary Logistic. Do mô hình này chỉ thích hợp với biến phụ thuộc nhị phân, nên việc phân loại các nông hộ được khảo sát sẽ được chia ra thành 2 nhóm: Nhóm các nông hộ không mặt ruộng tích canh tác (có 58 nông hộ ,

độc lập mà độc lập là 0 trong mô hình hồi quy) và nhóm các nông hộ mẫu riêng diện tích canh tác (có 164 nông hộ, độc lập mà độc lập là 1 trong mô hình. Mô hình Binary logistic có dạng như sau:

$$\log_e \left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + e_i$$

Trong đó: Y là khả năng mẫu riêng diện tích canh tác của nông hộ và độc lập mà độc lập là 2 giá trị 1 và 0 (1 là có mẫu riêng diện tích và 0 là không mẫu riêng diện tích). $X_1, X_2, X_3, X_4, X_5, X_6$ là các biến độc lập (biến giải thích). Các biến này độc lập mà độc lập nghĩa và diện tích mẫu cách chi tiết ở Bảng 1.

Bảng 1. Định nghĩa các biến độc lập trong mô hình Binary Logistic

Biến số	Định nghĩa	Ký hiệu
Tổng vốn vay (X_1)	Tổng số vốn vay (triệu đồng)	+
Trình độ học vấn của chủ hộ (X_2)	Trình độ học vấn của chủ hộ (lớp)	+
Chi phí sau thu hoạch (X_3)	Chi phí sau thu hoạch (triệu đồng)	-
Cấp số hộ trồng (X_4)	Số diện tích hộ trồng theo cách tính diện tích 1-9 và tính từ tăng dần	+
Vị trí xã hội của hộ (X_5)	Biến giả, nhận giá trị là 1 nếu hộ có người làm việc cho các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương và 0 nếu không	+
Số lần tiếp xúc (X_6)	Tổng số lần tiếp xúc của hộ mỗi năm (lần)	+

3. Kết quả và thảo luận

3.1 Thúc đẩy sản xuất thanh long ruột đỏ tại huyện Cà Mau

Trước đây, người dân tại huyện Cà Mau chủ yếu sinh sống bằng nghề sản xuất nông nghiệp và thường xuyên sản xuất các giống cây trồng theo nhu cầu của người dân, không cao. Để thay đổi phương thức canh tác, nâng cao thu nhập cho người dân, chính quyền địa phương đã vận động nông dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn bằng nghề trồng cây, con giống

có giá trị kinh tế cao. Trong đó, cây thanh long ruột đỏ là loài cây trồng độc lập đánh giá là phù hợp với điều kiện của địa phương và cho hiệu quả cao.

Đa số nông hộ độc lập mà độc lập có trình độ học vấn từ trung học sơ cấp trở lên, trung bình lớp 9, thấp nhất là lớp 1 và cao nhất là lớp 12. Bên cạnh đó, trong 245 nông hộ độc lập khảo sát thì có 56,7% nông hộ có người làm việc cho các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương. Tuy nhiên số quan tâm của chính quyền địa phương nông hộ ít có khả năng tham gia các khóa tập huấn kỹ thuật trồng thanh long ruột đỏ, trung bình là 2 lần/năm, nhiều hơn nông hộ không có tham gia tập huấn. Điều này cho thấy nông hộ độc lập mà độc lập sản xuất thanh long của nông hộ.

Đối với các nông hộ mẫu riêng diện tích canh tác thanh long thì độc lập mà độc lập quan tâm nhiều nhất đó là vốn. Qua Bảng 2 ta thấy, đa số nông hộ sản xuất vốn từ có độc lập mà riêng diện tích canh tác (có 175 hộ độc lập khảo sát, chiếm 72,4%), nông hộ sản xuất vốn vay là 70 hộ (chiếm 28,6%). Vốn vay trung bình của hộ là 6 triệu đồng/hộ, cao nhất là 40 triệu đồng/hộ.

Bảng 2. Thúc đẩy sản xuất thanh long ruột đỏ

Chỉ tiêu	Số quan sát	Nhất	Trung bình	Lần nhất	Điểm chung
Tổng vốn vay (triệu đồng)	70	0	6	40	11
Trình độ học vấn của chủ hộ (lớp)	234	1	9	12	4
Chi phí sau thu hoạch (triệu đồng)	245	0	1	3	1
Cấp số hộ trồng (điểm)	245	3	6	9	2
Số lần tiếp xúc (lần/năm)	245	0	2	5	2

Nguồn: Tác giả khảo sát, 2014

Với nguồn vốn sản xuất, nông hộ sản xuất chủ yếu cho việc mua giống, phân bón và một phần chi phí sau khi thu hoạch.

Theo khảo sát tại địa bàn, nông dân chủ yếu mua giống ban đầu và trung với giá trung bình là 14 triệu đồng, chi phí cho việc bón phân hoá học với giá trung bình là 4 triệu đồng/v. Ngoài ra, sau mùa vụ nông hộ còn tốn một phần chi phí cho việc vận chuyển thanh long đến nơi tiêu thụ với giá trung bình là 2,5 triệu đồng/v và nhả nhớt là 0 triệu đồng/v vì thùng lái từ đến vận mua và vận chuyển. Cost hộ trồng chuối nông hộ đánh giá khá tốt (trung bình là 6 điểm, có một số hộ đánh giá 9 điểm) nên chi phí sau thu hoạch cũng thấp.

Sau khi phân tích thực trạng sản xuất thanh long ruột đỏ tại huyện Càng Long, bài viết tiếp tục các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ của nông hộ.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ của nông hộ

Như đã trình bày ở phần phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng mô hình Binary logistic để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ của nông hộ tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Biến phụ thuộc trong mô hình này là khả năng mở rộng diện tích canh tác (có và không có mở rộng diện tích canh tác). Có 6 biến giải thích là tình trạng vốn vay của nông hộ, trình độ học vấn của người trồng, chi phí sau thu hoạch, cost hộ trồng, vị trí xã hội của hộ và số lần tiếp xúc của hộ với địa phương.

Kết quả ước lượng được trình bày ở Bảng 3 cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng đến khả năng mở rộng diện tích canh tác của nông hộ trong số 6 quan sát với mức ý nghĩa dưới 10%.

Bảng 5 cho biết biến “Tình trạng vốn vay” và biến “Trình độ học vấn của chủ hộ” có ý nghĩa với độ tin cậy 95%; biến

“Chi phí sau thu hoạch”, “Cost hộ trồng” và “Vị trí xã hội của hộ” có ý nghĩa với độ tin cậy 90%. Trong đó, biến “Trình độ học vấn của chủ hộ” có ảnh hưởng mạnh nhất đến khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ của nông hộ. Mô hình có giá trị sig. là 0,003, có ý nghĩa với độ tin cậy 99%, giá trị -2LL nhỏ, phần trăm chính xác 93,3% và hệ số tương quan giữa các biến đều < 0,6 nên không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Vì vậy, mô hình có ý nghĩa thống kê và phù hợp. Với giá trị khác không thì:

Giống như kỳ vọng ban đầu, biến “Tình trạng vốn vay” tương quan thuận với khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ với mức ý nghĩa 5%. Cost hộ, khi “Tình trạng vốn vay” tăng lên 1 điểm thì log của tỷ lệ xác suất khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ của nông hộ trên địa bàn huyện Càng Long sẽ tăng thêm 0,177 lần. Điều này có thể giải thích là nông hộ được khảo sát có vay vốn chủ yếu là để mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ.

Bảng 3. Kết quả ước lượng của mô hình hồi quy Binary Logistic

Biến số	Hệ số ước lượng	Giá trị Wald
Tình trạng vốn vay (X_1)	0,177	4,348**
Trình độ học vấn của chủ hộ (X_2)	2,725	4,075**
Chi phí sau thu hoạch (X_3)	-2,618	3,774***
Cost hộ trồng (X_4)	0,956	2,837***
Vị trí xã hội của hộ (X_5)	2,338	2,747***
Số lần tiếp xúc (X_6)	-0,442	1,416
Hằng số (C)	15,526	4,586
-2LL= 23,514*		
Phần trăm chính xác: 93,3%		
Hệ số tương quan giữa các biến đều < 0.6		

Ghi chú: *, **, *** lần lượt có ý nghĩa ở mức α là 1%, 5% và 10%. Nguồn: Kết quả tính toán từ số liệu Tác giả khảo sát, 2014

– Bên “Trình độ học vấn của chủ hộ” có tác động quan trọng với khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ ở mức ý nghĩa 5%. Khi “Trình độ học vấn của chủ hộ” tăng lên 1 điểm thì log của tỉ lệ xác suất khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ của nông hộ trên địa bàn huyện Càng Long sẽ tăng 2,725 lần. Giọng nói kỳ vọng ban đầu, nông hộ có trình độ học vấn cao sẽ giảm chi phí sản xuất, dễ dàng tiếp thu khoa học kỹ thuật khi tham gia các lớp tập huấn, điều này giúp nông hộ nâng cao năng suất thanh long ruột đỏ.

– Bên “Chi phí sau thu hoạch của nông hộ” có tác động quan trọng với khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ ở mức ý nghĩa 10%. Khi “Chi phí sau thu hoạch của nông hộ” tăng lên 1 điểm thì log của tỉ lệ xác suất khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ của nông hộ trên địa bàn huyện Càng Long sẽ giảm 2,618 lần. Kết quả này là do chi phí tăng làm lợi nhuận của nông hộ giảm.

– Bên “Chiều sâu hộ trồng” có tác động quan trọng với khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ ở mức ý nghĩa 10%. Khi “Chiều sâu hộ trồng” tăng lên 1 điểm thì log của tỉ lệ xác suất khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ của nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh sẽ giảm 0,956 lần. Giọng nói kỳ vọng ban đầu, chiều sâu hộ trồng tốt làm cho chi phí sau thu hoạch giảm dần đến lợi nhuận nông hộ tăng.

– Khi hộ có người làm việc cho các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương thì log của tỉ lệ xác suất khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ của nông hộ sẽ giảm đi 2,338 lần ở mức ý nghĩa 10%. Điều này có thể giải thích hộ có người làm việc cho các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương thì đa số có trình độ học vấn cao, được sự quan tâm của chính quyền địa phương sẽ giảm chi phí sản xuất, dễ dàng tiếp thu khoa học kỹ thuật khi tham gia các lớp tập huấn, điều này giúp nông hộ nâng cao năng suất thanh long ruột đỏ.

4. Kết luận

Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Ứng dụng mô hình hồi quy Binary Logistic, nhóm nghiên cứu xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ là tổng vốn vay, trình độ học vấn của chủ hộ, chi phí sau thu hoạch, chiều sâu hộ trồng và vị trí xã hội của hộ. Trong đó yếu tố trình độ học vấn của chủ hộ có tác động mạnh nhất đến khả năng mở rộng diện tích canh tác của nông hộ. Bài viết chủ yếu phát hiện yếu tố số lần tập huấn ảnh hưởng đến khả năng mở rộng diện tích canh tác thanh long ruột đỏ tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

FACTORS EFFECTING ON FARMING AREA EXPANSION FOR RED DRAGON IN CANG LONG DISTRICT, TRA VINH PROVINCE

Nguyen Van Vu An

Tra Vinh University

ABSTRACT

This research is in order to define factors effecting on red dragon farming area expansion in Cang Long district, Tra Vinh province. Research data is collected from 245 farmers producing red dragon in Cang Long district. Applying regression model Binary Logistic, research team defines factors effecting on red dragon farming area expansion to is total of loans, educational attainment of householder, cost after harvest, infrastructure

and social position of famer. In which, educational attainment of householder factor has the strongest effect on farming area expansion of farmer.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chu Nguyễn Mạnh Ngọc, Hoàng Trọng (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Thống kê.
- [2] Nguyễn Đình Thi (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Lao động Xã hội.
- [3] Nguyễn Văn Núi (2013), *Làm giàu trái đất thanh long*, <<http://www.ticay.com.vn>>, [ngày cập nhật: 15/12/2013].
- [4] Romer, David (2000), *Advanced Macroeconomics* (2nd edition), McGraw-Hill/Irwin.
- [5] Trần Văn B (2013), *Tiểu thuyết “chị em họ” cho trái thanh long*, <<http://www.agroviet.gov.vn>>, [ngày cập nhật: 19/11/2013].
- [6] Varian, Hal R. (1999), *Intermediate Economics: A Modern Approach* (5th edition), W. W. Norton.